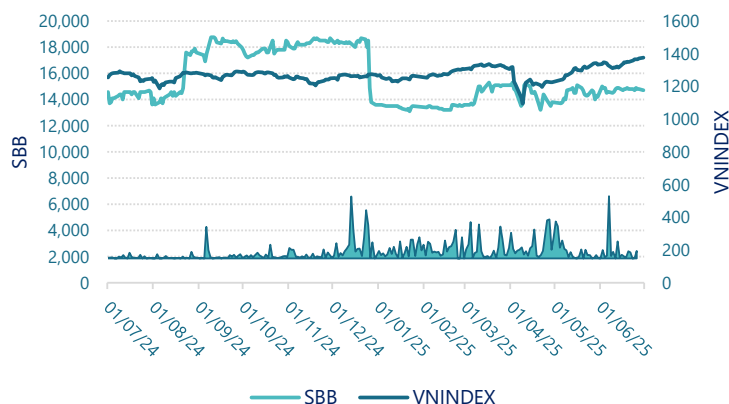


CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (UPCOM: SBB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,761
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
SL cổ phiếu LH	87,524,536
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,110
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,287
P/E	
EPS	

DT thuần

Q2/25

884

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 207 | 30.6%

YoY: ▲ 401 | 83.0%

LN sau thuế

Q2/25

30.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.3 | 154%

YoY: ▲ 101 | 142%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.3%

+/- YoY: ▲ 14.5%

DT thuần

6T 2025

1,561

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 531 | 51.5%

LN sau thuế

6T 2025

42.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 130 | 148%

ROE

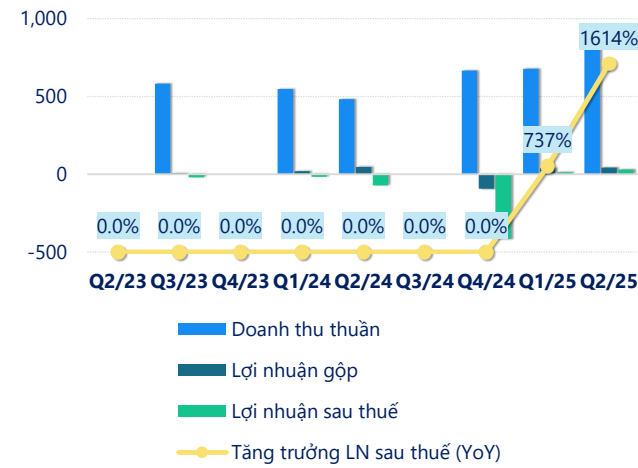
Q2/25

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

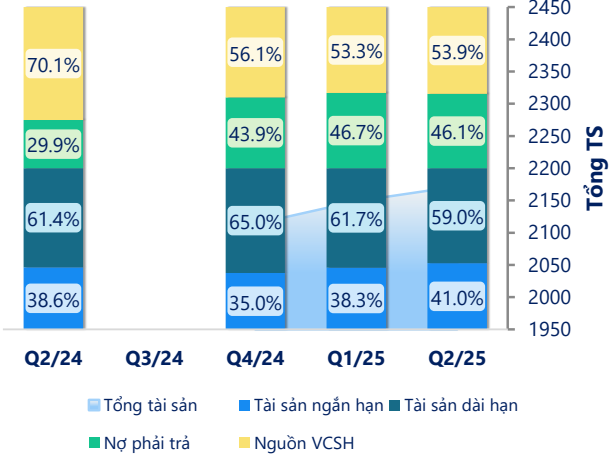
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

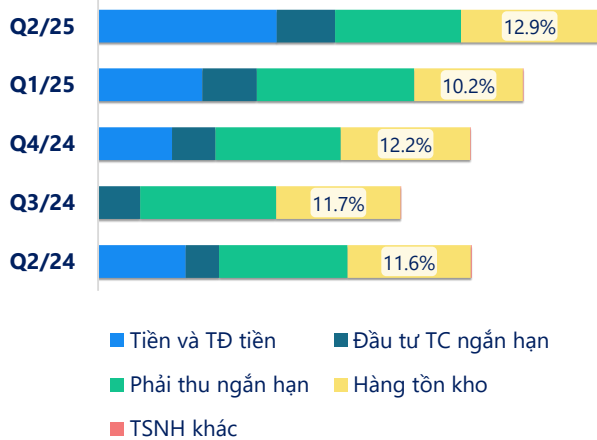
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



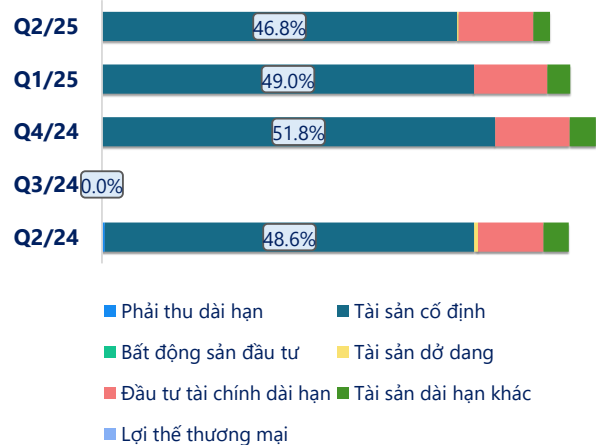
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

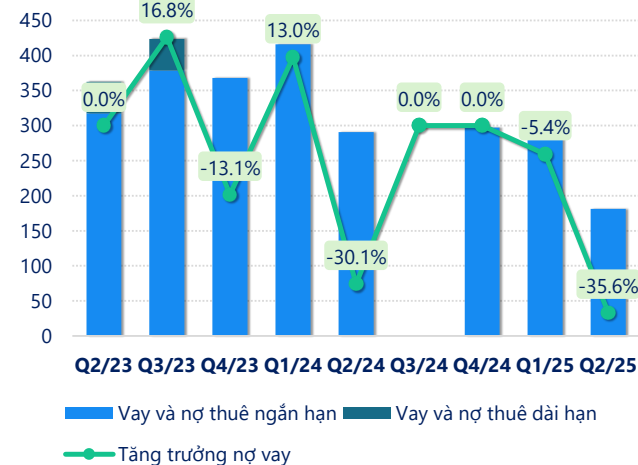
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

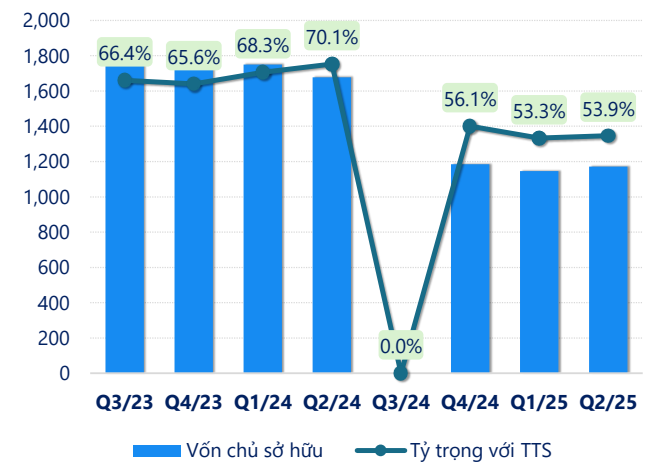
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

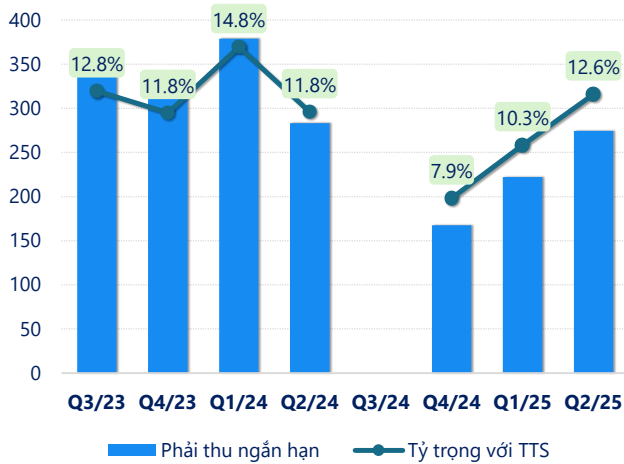
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



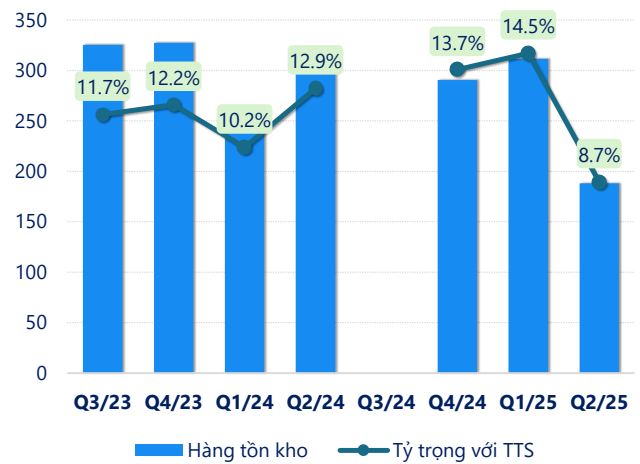
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


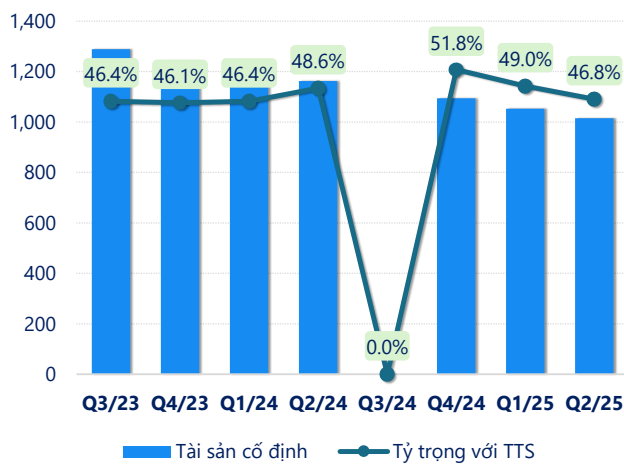
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


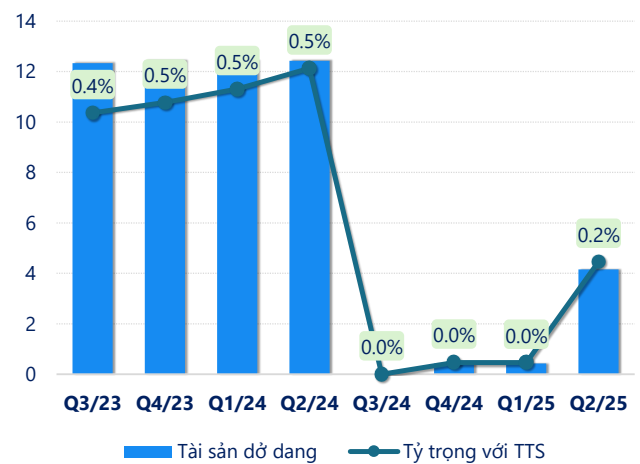
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

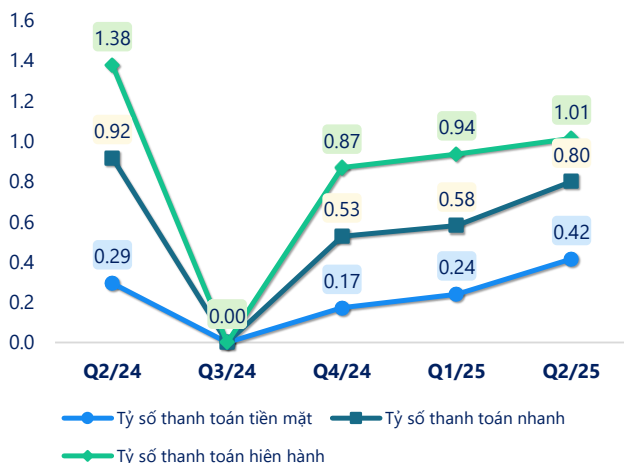
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

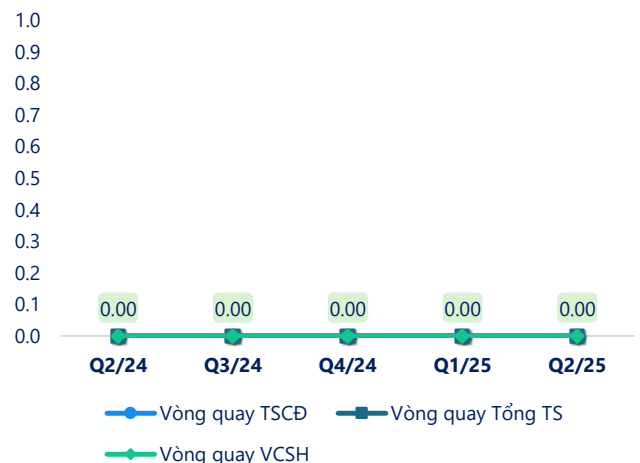
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,392		2,114	2,149	2,172
Tài sản ngắn hạn	922		739	824	891
Tiền và tương đương tiền	197		147	211	365
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132		132	78.0	60.0
Phải thu ngắn hạn	283		168	222	274
Hàng tồn kho	309		291	312	188
Tài sản ngắn hạn khác	1.92		1.81	1.51	3.62
Tài sản dài hạn	1,469		1,375	1,325	1,281
Phải thu dài hạn	9.17		0.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	1,163		1,094	1,052	1,016
Bất động sản đầu tư	0		0	0	0
Tài sản dở dang	12.4		0.42	0.42	4.16
Đầu tư tài chính dài hạn	205		207	207	214
Tài sản dài hạn khác	79.5		72.9	64.8	47.5
Lợi thế thương mại	0		0	0	0
Nợ phải trả	715		929	1,003	1,001
Nợ ngắn hạn	669		850	881	879
Vay và nợ thuê ngắn hạn	291		297	281	181
Phải trả người bán ngắn hạn	75.8		81.9	110	229
Nợ dài hạn	45.5		78.6	122	122
Vay và nợ thuê dài hạn	0		0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,677		1,185	1,145	1,171
Vốn chủ sở hữu	1,677		1,185	1,145	1,171
Vốn điều lệ	875		875	875	875
Kinh phí và quỹ khác	0		0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)